TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

-Bản án số: **114/**2024/HNGĐ-ST
-Ngày: 17/4/2024
- V/v: Xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tài.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Trần Văn Bé Ba**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Trần Thị Huyền Trân** Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà:* ông **Ngô Thành Khánh Duy** Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 505/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Thanh T, sinh năm 1991** (vắng mặt)

2. Bị đơn: **Nguyễn Thành L, sinh năm 1989** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Bình L, xã Thanh B, huyện C, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn Trần Thị Thanh T trình bày:* Năm 2011, chị và anh L tự nguyện cưới nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 13/01/2011. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc cho đến thời gian khoảng đầu năm 2023 xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bất hòa trong cuộc sống do không có tiếng nói chung, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, lạnh nhạt và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh, chị đã ly thân từ đó đến nay. Thời gian qua, vợ chồng chị vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có con chung tên Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 19/11/2011, Nguyễn Trần Hữu G, sinh ngày 11/9/2017 và Nguyễn Trần Hữu L, sinh ngày 25/6/2020 hiện đang sống với anh L. Chị đồng ý để anh L được tiếp tục nuôi các con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin vắng mặt.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn Nguyễn Thành L trình bày:* anh thống với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn. Anh không đồng ý ly hôn vì giữa vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống.

Về con chung: Trường hợp, Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 19/11/2011, Nguyễn Trần Hữu G, sinh ngày 11/9/2017 và Nguyễn Trần Hữu L, sinh ngày 25/6/2020 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Anh, chị không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa, anh L vắng mặt không lý do.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án*:* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn và thời gian qua anh, chị không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh L. Đối với yêu cầu về con chung: các con chung hiện đang sống ổn định và có nguyện vọng tiếp tục sống với anh L; anh L cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho anh L trực tiếp nuôi các con chung. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, anh L không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Anh L và chị T cùng trình bày anh, chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

[2] Chị T và anh L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh B, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 13/01/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn thường trú tại huyện C, tỉnh T. Nay chị T xin ly hôn với anh L, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị T yêu cầu xin ly hôn với anh L vì thời gian qua giữa vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay và không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Anh L không đồng ý ly hôn vì giữa vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, chỉ là những chuyện nhỏ nhặt đời thường và anh còn thương vợ, con.

Xét thấy, mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm nên chị T có đơn xin ly hôn với anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng giữa anh chị không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và hiện nay chị T vẫn cương quyết xin ly hôn. Hơn nữa, anh L đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt thể hiện anh cũng không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T, chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh L.

[4] Về con chung: Anh L và chị T có con chung tên Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 19/11/2011, Nguyễn Trần Hữu G, sinh ngày 11/9/2017 và Nguyễn Trần Hữu L, sinh ngày 25/6/2020, hiện đang sống với anh L. Chị T đồng ý giao anh L được quyền tiếp tục nuôi con chung; anh L cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 19/11/2011, Nguyễn Trần Hữu G, sinh ngày 11/9/2017 và Nguyễn Trần Hữu L, sinh ngày 25/6/2020 đang sống ổn định và có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh L. Chị T cũng

đồng ý giao anh L được quyền tiếp tục nuôi con chung; anh L có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Xét thấy, các con chung đang sống với anh L, cháu Ngọc đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống với anh L, chị T cũng đồng ý giao anh L được quyền trực tiếp nuôi 03 con chung và không có ý kiến về việc tranh chấp nuôi con chung do đó để đảm bảo cho các con chung có cuộc sống ổn định, phát triển toàn diện về mọi mặt, cần giao anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L, giao anh L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là phù hợp. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con và anh L cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh L trình bày thống nhất vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh L trình bày vợ chồng anh, chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[10] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T**.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

2. Về con chung:

+ Anh Nguyễn Thành L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 19/11/2011, Nguyễn Trần Hữu G, sinh ngày 11/9/2017 và Nguyễn Trần Hữu L, sinh ngày 25/6/2020;

+ Anh Nguyễn Thành L không yêu cầu chị Trần Thị Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Thành L không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Thành L không có nợ chung.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007001 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Thanh B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Văn Tài